jiàn kè

剑客

noun · swordsman

Example Sentences

zhè wèi jiàn kè de jiàn fǎ fēi cháng gāo chāo
这位剑客的剑法非常高超。

This swordsman's swordsmanship is very superb.

diàn yǐng lǐ nà ge jiàn kè dú zì tiǎo zhàn le sān ge dí rén
电影里那个剑客独自挑战了三个敌人。

In the movie, that swordsman single-handedly challenged three enemies.

Trace each character, then write the word on your own.

剑 剑 剑 剑 剑 剑 剑 剑 剑 剑 剑

剑

客 客 客 客 客 客 客 客 客 客 客

客